

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/DS-ST

Ngày 30-9-2022

V/v: “Tranh chấp về họ,  
hội, biểu, phường”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI,  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trà Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đào Kim Kinh

Bà Nguyễn Thị Hồng Nga.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp về họ, hội, biểu, phường” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 419/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 487/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Nguyễn N, sinh năm 1972, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Đội 02, thôn 1, xã Nghĩa Đồng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1979, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2022, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày ngày 15/6/2022, ngày 28/6/2022, ngày 01/7/2022, đơn trình bày ngày 11/8/2022, bản tự khai ngày 11/8/2022, trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn N trình bày:

Vợ chồng ông với bà Nguyễn Thị Phương T là chỗ quen biết nhiều năm nay. Ngày 20/9/2020 âm lịch, bà T nói sẽ lập dây biêu do bà làm chủ, mỗi tháng ông nộp cho bà Tiên số tiền là 9.000.000 đồng. Bà T không nói thời hạn của dây biêu, không chốt số lượng người tham gia dây biêu cho ông biết. Bà T nói cứ góp biêu hằng tháng, khi tróc dây biêu bà T thông báo số tiền nhận được là 10.000.000 đồng nhân với số tháng mà ông đã nộp biêu. Ông đã nộp liên tục cho bà T từ ngày

20/9/2020 âm lịch đến ngày 20/7/2021 âm lịch, tổng cộng là 11 tháng tương ứng số tiền 99.000.000 đồng. Cụ thể:

- Ngày 20/9/2020 âm lịch: Bà T đến nhà ông thu số tiền 9.000.000 đồng.
- Ngày 20/10/2020 âm lịch: Bà T đến nhà ông thu số tiền 9.000.000 đồng.
- Ngày 20/11/2020 âm lịch: Bà T đến nhà ông thu số tiền 9.000.000 đồng.
- Ngày 20/12/2020 âm lịch: Bà T đến nhà ông thu số tiền 9.000.000 đồng.
- Ngày 20/01/2021 âm lịch: Bà T đến nhà ông thu số tiền 9.000.000 đồng.
- Ngày 20/02/2021 âm lịch: Bà T đến nhà ông thu số tiền 9.000.000 đồng.
- Ngày 20/03/2021 âm lịch: Bà T đến nhà ông thu số tiền 9.000.000 đồng.
- Ngày 20/04/2021 âm lịch: Bà T đến nhà ông thu số tiền 9.000.000 đồng.
- Ngày 20/05/2021 âm lịch: Bà T đến nhà ông thu số tiền 9.000.000 đồng.
- Ngày 20/06/2021 âm lịch: Bà T đến nhà ông thu số tiền 9.000.000 đồng.
- Ngày 20/07/2021 âm lịch: Bà T đến nhà ông thu số tiền 9.000.000 đồng.

Ngày 20/01/2021 âm lịch, bà T tiếp tục đề nghị ông tiếp tục tham gia một dây biêu khác do bà T mở với hình thức tương tự như dây biêu ngày 20/9/2020 âm lịch. Không có thời gian kết thúc, không có số lượng người chơi cụ thể, mỗi tháng ông nộp cho bà T số tiền là 9.000.000 đồng cho đến khi bà T thông báo hết biêu. Từ ngày 20/01/2021 âm lịch đến ngày 20/7/2021 ông đã nộp cho bà T 7 lần tổng cộng số tiền biêu là 63.000.000 đồng.

- Ngày 20/01/2021 âm lịch: Bà T đến nhà ông thu số tiền 9.000.000 đồng.
- Ngày 20/02/2021 âm lịch: Bà T đến nhà ông thu số tiền 9.000.000 đồng.
- Ngày 20/03/2021 âm lịch: Bà T đến nhà ông thu số tiền 9.000.000 đồng.
- Ngày 20/04/2021 âm lịch: Bà T đến nhà ông thu số tiền 9.000.000 đồng.
- Ngày 20/05/2021 âm lịch: Bà T đến nhà ông thu số tiền 9.000.000 đồng.
- Ngày 20/06/2021 âm lịch: Bà T đến nhà ông thu số tiền 9.000.000 đồng.
- Ngày 20/07/2021 âm lịch: Bà T đến nhà ông thu số tiền 9.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông đã nộp 02 dây biêu của bà T từ ngày 20/9/2020 âm lịch đến ngày 20/7/2021 âm lịch tổng cộng 162.000.000 đồng. Giữa ông và bà T chỉ thỏa thuận bằng miệng. Khi nộp tiền thì bà T đến tận nhà ông để thu bằng tiền mặt, ông ghi lại vào sổ của ông còn bà T ghi trong sổ của bà T do bà T đang giữ.

Đến tháng 9/2021 âm lịch ông nghe một số người thông tin là bà T lập dây biêu không có thật, không có người chơi cụ thể cho từng dây biêu mà bà T bịa ra để nhằm chiếm đoạt tiền góp biêu của mọi người. Ông nhiều lần liên lạc nhưng bà T không nghe máy, tìm đến nhà thì không gặp được. Ông đã có đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên của bà Nguyễn Thị Phương T tại Công an tỉnh Quảng Ngãi. Công an tỉnh Quảng Ngãi có Thông báo trả lời đơn thư tố giác của ông và cho rằng bà T không vi phạm pháp luật hình sự, đề nghị ông khởi kiện ra Tòa án. Vì vậy, nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Phương T trả lại cho ông số tiền biêu 162.000.000 đồng.

\* Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T không trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng.

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách tham gia tố tụng, việc xác

minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử tại Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng  
+ Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ: Điều 91, 92, 93, 94, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hộ, biên, phường; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn N. Buộc bà Nguyễn Thị Phương T phải có nghĩa vụ trả tiền biên cho ông Nguyễn N 162.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn N vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn N thấy rằng:

Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông Nguyễn N cung cấp, thì bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn N có mối quan hệ quen biết, bà T thu tiền 02 dây biên từ ngày 20/9/2020 âm lịch đến ngày 20/7/2021 âm lịch tổng số tiền 162.000.000 đồng của ông N.

Theo giấy biên ghi ngày 20/9/2020 âm lịch, giấy vô biên T ngày 20/01/2021 âm lịch và các Biên bản ghi lời khai của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi (Bút lục số 56 đến 67), thì có căn cứ xác định bà T đã thu tiền 02 dây biên của ông N tổng cộng là 162.00.000 đồng. Vì vậy buộc bà T trả cho ông N tiền biên 162.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hộ, biên, phường.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của

Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Do buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T phải trả cho ông Nguyễn N tiền biếu tổng cộng là 162.000.000 đồng nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 162.000.000 đồng x 5% = 8.100.000 đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 4.050.000 đồng cho ông Nguyễn N theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002982 ngày 21/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1- Căn cứ: Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phườn; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

2- Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn N.

Buộc bà Nguyễn Thị Phương T phải có nghĩa vụ trả tiền biếu cho ông Nguyễn N tổng cộng 162.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu 8.100.000 đồng (Tám triệu, một trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 4.050.000 đồng (Bốn triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng) cho ông Nguyễn N theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002982 ngày 21/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

3- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4- Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**ĐÃ KÝ**

**Trà Thanh Tùng**